| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 295/2023/DS-PT
Ngày: 04/7/2023
*V/v: "Tr/c HĐ vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Phan Thị Tuyết Mai

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/TBTL-TA, ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2023/QĐXX-PT ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồ T**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 00 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền gồm có:

1. Ông **Phạm Ngọc T2**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu vực Thới Bình, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. Bà **Lê Thị Ngọc T3**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 329V4/11, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt)

3. Bà **Lê Thị Thu T4**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Địa chỉ: Số 329V1/10, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

(Theo hợp đồng ủy quyền Công chứng số: 201, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2023 của Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Đông)

Bị đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số 00 đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: Số 00 đường T,

phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. Ông **Huỳnh Hữu H**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số 00 đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2022, bà Nguyễn Hồ T trình bày:*

Do có mối quan hệ làm ăn và quan hệ bạn bè thân thiết với bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Huỳnh Hữu H. Bà có cho bà L và ông H vay tiền để kinh doanh và đáo hạn ngân hàng. Lãi suất theo thỏa thuận dao động từ 0,5%/tháng đến 0,7%/tháng, lãi suất tính theo từng đợt vay tiền và có ghi trong giấy viết tay, biên nhận tiền; kỳ hạn vay: Không kỳ hạn, gồm:

1/ Biên nhận ngày 01/6/2020, vay 350.000.000 đồng;

2/ Biên nhận ngày 01/8/2020, vay 400.000.000 đồng;

3/ Biên nhận ngày 10/9/2020, vay 200.000.000 đồng;

4/ Biên nhận ngày 10/10/2020, vay 100.000.000 đồng;

5/ Biên nhận ngày 01/12/2020, vay 100.000.000 đồng;

6/ Biên nhận ngày 10/01/2021, vay 100.000.000 đồng;

7/ Biên nhận ngày 25/4/2021, vay 200.000.000 đồng;

8/ Biên nhận ngày 01/7/2021, vay 100.000.000 đồng;

9/ Biên nhận ngày 01/10/2021, vay 150.000.000 đồng;

10/ Biên nhận ngày 25/11/2021, vay 50.000.000 đồng;

11/ Biên nhận ngày 09/12/2021, vay 200.000.000 đồng;

Và vay số tiền 230.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà L, ông H còn nợ đến thời điểm ngày 07/4/2022 là 2.180.000.000 đồng. Kể từ ngày 07/4/2022 đến nay, bà L và ông H không đóng lãi cũng không trả tiền vốn, mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở bà L và ông H trả nợ.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Huỳnh Hữu H phải trả cho bà số nợ 2.180.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

*Theo bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 25/4/2021, bà có vay của bà T tổng số tiền 1.950.000.000 đồng. Bà có đóng lãi hàng tháng từ 5%, 7%, 10%, 15% trên số tiền vay, đóng lãi đến ngày 09/4/2022 thì ngưng. Tổng cộng bà đã đóng lãi cho bà T được 1.700.000.000 đồng, bà có thương lượng xin bà T trừ 1.300.000.000 đồng tiền lãi đã đóng vào tiền gốc để bà trả hết nợ, nhưng bà T không đồng ý.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh lãi suất vay cho phù hợp với quy định pháp luật.

*Theo bị đơn ông Huỳnh Hữu H trình bày:*

Ông không vay tiền của bà T, việc vợ ông (bà L) vay tiền của bà T ông không hề hay biết. Khi ông biết sự việc, ông có đứng ra thỏa thuận xin giảm lãi nhưng bà T không đồng ý. Ông không vay tiền của bà T, ông cũng không phải bị đơn trong vụ án này nên không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại Bản án sơ thẩm số:19/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Hồ T tổng số nợ là 2.125.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về số tiền lãi 100.000.000 đồng đã trả, số tiền này không phải cấn trừ vào số tiền bà L phải trả.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu buộc bà L trả số nợ 55.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Hữu H liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 06/3/2023 bị đơn bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lãi suất, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền lãi 1.700.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn bà L thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà L cho rằng đã trả cho nguyên đơn được 269.000.000 đồng tiền lãi nên yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền lãi này cho bị đơn.

- Đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông H giữ nguyên ý kiến là ông không biết gì về số nợ giữa bà T và bà L nên không đồng ý chịu trách nhiệm cùng với bà L trả nợ cho bà T.

*Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung:

Đối với khoản vay tiền mặt 1.950.000.000 đồng. Được thể hiện qua 11 biên nhận nợ từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021. Bà L thừa nhận có vay của bà T số

tiền mặt là 1.950.000.000 đồng, nhưng số tiền lãi đã trả thì bà L khai không thống nhất.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/7/2022, bà L khai đã đóng lãi được 1.700.000.000 đồng (lãi suất hàng tháng là 5%, 7%, 10%, 15%); Tại Biên bản hòa giải ngày 25/8/2022, lại cho rằng đã đóng lãi số tiền 1.680.000.000 đồng và yêu cầu bà T trừ ra 1.300.000.000 đồng tiền lãi, số tiền còn lại sẽ trả 650.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bà L không đưa ra được giấy tờ gì thể hiện là đã đóng lãi cho bà T như đã khai, nên lời khai này không phù hợp về mặt chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Lời khai của bà L không được nguyên đơn chấp nhận, chỉ chấp nhận số tiền 100.000.000 đồng, điều này phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 5674/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Các tài liệu (biên nhận) gởi giám định chỉ xác định được *chữ viết "0," (số 0 và dấu phẩy) trong nội dung "0,5%", "0,7%"là chữ viết điền thêm*, nhưng không xác định được *nội dung trên có phải do cùng một người viết ra hay không.* Do đó, không thể dựa vào kết quả giám định này làm chứng cứ để xác định bà L đã trả cho bà T số tiền 1.700.000.000 đồng hoặc 1.680.000.000 đồng. Số tiền lãi mà bà L đã nộp cho bà T chỉ có 100.000.000 đồng, phù hợp về mặt chứng cứ cũng như sự thừa nhận của nguyên đơn.

Đối với khoản vay 230.000.000 đồng (quẹt thẻ).

+ Về khoản vay 149.000.000 đồng và 26.000.000 đồng (175.000.000 đồng). Bà L thừa nhận khoản vay này, điều này phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

+ Về khoản vay 55.000.000 đồng. Bà L không thừa nhận khoản vay này. Nguyên đơn cung cấp sổ phụ kiêm phía báo nợ, báo có, kỳ sao kê từ ngày 03/12/2021 đến ngày 04/4/2022 và cho rằng đây là chứng từ chứng minh bà L, ông H nợ 55.000.000 đồng. Qua xem xét tài liệu trên, cụ thể tại mục thứ 78 cho thấy, nội dung giao dịch là do bà L chuyển tiền chứ không phải do bà T chuyển, nên buộc bị đơn trả số nợ 55.000.000 đồng là không phù hợp.

Đối với yêu cầu buộc ông H liên đới cùng bà L trả nợ là không có cơ sở, bởi lẽ ông H không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, các biên nhận tiền cho thấy chỉ một mình bà L thực hiện giao dịch vay tiền với bà T, không có chữ ký tên nào của ông H nên không thể buộc ông H liên đới chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ.

Như vậy, xác định tổng số nợ mà bà L còn nợ bà T là 2.125.000.000 đồng, và bà L có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho bà T.

Đối với số tiền lãi 100.000.000 đồng đã trả. Nhận thấy, nguyên đơn chỉ khởi kiện đòi lại số nợ gốc, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bà L, nên số tiền này không phải cấn trừ vào số tiền bà L phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền lãi là 269.000.000 đồng, tuy nhiên bà L không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu này nên không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà L là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồ T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Huỳnh Hữu H để đòi số tiền cho vay. Do bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều nên Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" để giải quyết là đúng quy định, đúng thẩm quyền tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lãi suất, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền lãi 1.700.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bị đơn bà L thừa nhận các khoản tiền mà bà L đã vay của bà T như sau:

- Vay bằng tiền mặt (qua 11 biên nhận nợ từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/12/2021) tổng cộng là 1.950.000.000 đồng.

- Vay qua quẹt thẻ của bà T số tiền 175.000.000 đồng (gồm 02 lần: lần 149.000.000 đồng và lần 26.000.000 đồng).

Tổng số tiền bà L thừa nhận đã vay của bà T là 2.125.000.000 đồng và được nguyên đơn thống nhất số tiền vốn vay này, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải hoàn trả cho bà T số tiền này là có cơ sở.

Đối với khoản tiền vay 55.000.000 đồng bà L không thừa nhận khoản vay này, các chứng cứ nguyên đơn cung cấp sổ phụ kiêm phía báo nợ, báo có, kỳ sao

kê từ ngày 03/12/2021 đến ngày 04/4/2022 và cho rằng đây là chứng từ chứng minh bà L, ông H nợ 55.000.000 đồng, tuy nhiên qua xem xét tài liệu cho thấy tại mục thứ 78 thì nội dung giao dịch là do bà L chuyển tiền chứ không phải do bà T chuyển, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà T đòi bà L phải trả số nợ này cho nguyên đơn là phù hợp; về khoản tiền vay này nguyên đơn không có kháng cáo.

[2.2] Xét về số tiền lãi 1.700.000.000 đồng bị đơn bà L kháng cáo cho rằng đã trả cho bà T nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét điều chỉnh, buộc bà T hoàn trả lại số tiền lãi này cho bà L. Theo bà L thì số tiền lãi này bà đã đóng cho bà T trước khi bà T khởi kiện với lãi suất được tính là 5%, 7%/tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Việc bà L cho rằng đã trả khoản tiền lãi trên cho bà T nhưng bà L không đưa ra được chứng cứ, giấy tờ gì thể hiện là đã đóng lãi cho bà T như đã khai để chứng minh cho việc đã có trả khoản tiền lãi này cho bà T; về phía bà T không thừa nhận có nhận số tiền lãi này;

+ Về lời khai của bà L đối với khoản tiền lãi mà bị đơn cho là đã có trả cho nguyên đơn trước sau cũng không thống nhất, cụ thể hồ sơ thể hiện: Tại Biên bản hòa giải ngày 15/7/2022, bà L khai đã đóng lãi được 1.700.000.000 đồng (lãi suất hàng tháng là 5%, 7%, 10%, 15%); tại Biên bản hòa giải ngày 25/8/2022, bà L lại cho rằng đã đóng lãi số tiền 1.680.000.000 đồng và yêu cầu bà T trừ ra 1.300.000.000 đồng tiền lãi, số tiền còn lại bà sẽ trả cho bà T là 650.000.000 đồng. Lời khai này của bà L không được nguyên đơn chấp nhận; bà L cũng không đưa ra được chứng cứ, giấy tờ gì thể hiện là đã đóng lãi cho bà T như đã khai; Do đó, lời khai này không đủ phù hợp về mặt chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc bà L nại ra là đã đóng lãi cho bà T hàng tháng với mức lãi 5%, 7%, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với các Biên nhận vay tiền được gởi đi giám định thì tại Kết luận giám định số 5674/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, chỉ xác định được *chữ viết "0," (số 0 và dấu phẩy) trong nội dung "0,5%", "0,7%"là chữ viết điền thêm*, nhưng không xác định được *nội dung trên có phải do cùng một người viết ra hay không*. Kết quả giám định này cho thấy không xác định được ai là người điền vào sửa chữa phần lãi suất nên không thể dựa vào kết quả giám định này làm chứng cứ để xác định bà L đã trả cho bà T số tiền lãi 1.700.000.000 đồng, nên không có cơ sở để xem xét.

+ Đối với USB ghi âm được bị đơn bà L tự ghi ra nội dung bằng bảng giấy và cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, xét thấy nguồn chứng cứ này chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng không chứng minh được việc bà L

đã có trả cho bà T số tiền lãi nêu trên, hơn nữa phía bà T cũng không thừa nhận chứng cứ này.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L có thay đổi yêu cầu kháng cáo cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 269.000.000 đồng tiền lãi nên yêu cầu bà T trả lại cho bị đơn, nhưng nguyên đơn không thừa nhận đã nhận số tiền lãi này, và bà L cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là đã có trả số tiền này cho nguyên đơn nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với số tiền lãi 100.000.000 đồng mà bị đơn đã trả trước khi nguyên đơn khởi kiện và được nguyên đơn thừa nhận. Xét thấy, từ thời điểm bị đơn vay tiền của nguyên đơn cho đến khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không chứng minh được là đã trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn; về phía nguyên đơn chỉ khởi kiện đòi lại số nợ gốc, mà không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bà L, nên Tòa án cấp sơ thẩm không cấn trừ số tiền này vào số tiền bà L phải trả là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà L không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2.3] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L và ông H phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, nhưng ông H không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, mà là nợ riêng của bà L đối với bà T, lời trình bày của ông H là phù hợp bởi lẽ các biên nhận tiền cho thấy chỉ một mình bà L thực hiện giao dịch vay mượn tiền với bà T, không có chữ ký tên nào của ông H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là số nợ riêng mà bà L vay của bà T nên không buộc ông H liên đới chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L. Do đó, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

[4] Về tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng, số tiền này bị đơn phải chịu, bị đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí là 74.500.000 đồng (trên số nợ 2.125.000.000 đồng).

Nguyên đơn phải chịu án phí là 2.750.000 đồng (trên số tiền 55.000.000 đồng không được chấp nhận), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 37.800.000 đồng theo Biên lai thu số 0000709 ngày 27/6/2022 thì nguyên đơn còn được nhận lại số tiền là 35.050.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp ngày 08/3/2023

theo biên lai thu số 0000742 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ sang thành tiền án phí phúc thẩm (đã nộp xong).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Giữ y bản án sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Hồ T tổng số nợ là 2.125.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về số tiền lãi 100.000.000 đồng đã trả, số tiền này không phải cấn trừ vào số tiền bà L phải trả.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu buộc bà L trả số nợ 55.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Hữu H liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị Ngọc L.

4. Về tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng, số tiền này bị đơn phải chịu, bị đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí là 74.500.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí là 2.750.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 37.800.000 đồng theo Biên lai thu số 0000709 ngày 27/6/2022 thì nguyên đơn còn được nhận lại số tiền là 35.050.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp ngày 08/3/2023 theo biên lai thu số 0000742 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ sang thành tiền án phí phúc thẩm (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND quận Ninh Kiều;
- THA DS quận Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Trương Thị Liên**